

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DS-ST

Ngày: 30 – 3 – 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Kiên Nhân.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1; địa chỉ trụ sở Tầng 1, 2, 3, 4, 5, Tòa nhà T1, Số 210, đường K1, phường T2, quận K2, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1.1. Ông Phạm Doãn S, sinh năm 1967; cư trú tại Số 40, Ngõ 106, Tổ 12, phường H, quận G, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 – Vắng mặt).

1.2. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1976 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20 tháng 6 năm 2017 – Vắng mặt).

1.3. Anh Nguyễn Minh T3, sinh năm 1989 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Thanh P (Văn bản ủy quyền số: 2021/LVB.VL ngày 29 tháng 3 năm 2022 – Có mặt).

Cùng nơi làm việc: Số 01, đường V2, Phường 1, thành phố L1, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T4, sinh năm 1972; cư trú tại ấp B1, xã L2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 21 tháng 9 năm 2021 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 và trong quá trình xét xử anh Nguyễn Minh T3 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/5/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên V1 – Chi nhánh L1 (gọi tắt là Ngân hàng V1) cùng với bà Nguyễn Thị Cẩm T4 ký kết Hợp đồng tín dụng số: HĐTD851XXXX1830 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 851XXXX1830/01 với nội dung: Ngân hàng V1 cho bà T4 vay số tiền 100.000.000 đồng; hình thức cho vay tín chấp; mục đích cho vay tiêu dùng – mua sắm đồ gia dụng; thời hạn cho vay 05 năm tính kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân là ngày 25/5/2017 cho đến hết ngày 24/5/2022; lãi suất cho vay trong hạn 12%/năm (365 ngày) có điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu tại thời điểm điều chỉnh lãi; phương thức trả nợ gốc cố định chia đều 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả số tiền 1.667.000 đồng, kỳ cuối trả số tiền 1.647.000 đồng và trả lãi theo dư nợ thực tế vào ngày 15 tây hàng tháng; trường hợp chậm trả gốc thì bên vay phải trả lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với phần nợ gốc quá hạn, trường hợp chậm trả lãi thì bên vay phải trả lãi suất bằng 10%/năm trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; ngoài ra còn thỏa thuận các trường hợp bên cho vay có quyền chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn khi bên vay vi phạm, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

Thực hiện hợp đồng tín dụng: Ngày 24/5/2017, bà T4 được Ngân hàng V1 giải ngân nhận số tiền 100.000.000 đồng. Bà T4 trả nợ gốc, lãi đầy đủ đúng hạn được 18 kỳ, đến kỳ thứ 19 (ngày 15/11/2018) thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài. Mặc dù, Ngân hàng V1 đã nhiều lần làm việc yêu cầu bà T4 trả nợ nhưng bà T4 khác hẹn không trả 03 kỳ liên tiếp. Nên Ngân hàng V1 ra thông báo chấm dứt hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn khoảng dư nợ còn lại đối với bà T4. Tính đến ngày 30/3/2022, bà T4 nợ vay số tiền 121.952.378 đồng, trong đó: nợ gốc 69.994.000 đồng, nợ lãi 51.958.378 đồng.

Nay, Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T4 có trách nhiệm trả nợ vay tính đến ngày 30/3/2022 số tiền 121.952.378 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc 69.994.000 đồng, trả lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ lãi thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 31/3/2022 cho đến khi trả xong nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T4 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với

yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T4 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T4 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Thúy theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Việc thỏa thuận xác lập, thực hiện quan hệ cho vay tiêu dùng bằng hình thức tín chấp giữa Ngân hàng V1 với bà T4 trên cơ sở ký kết Hợp đồng tín dụng số: HĐTD851XXXX1830 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 851XXXX1830/01 là đúng quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 94, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 4, 10, 12, 13, 18, 23, 30, 31 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (gọi tắt là Thông tư số 39/2016/TT-NHNN).

[2] Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng: Bà T4 vi phạm nghĩa vụ trả nợ 03 kỳ liên tục. Việc Ngân hàng V1 thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn, khởi kiện yêu cầu bà T4 trả nợ vay tính đến ngày 30/3/2022 số tiền 121.952.378 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc 69.994.000 đồng, trả lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ lãi thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 31/3/2022 cho đến khi trả xong nợ là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các điểm b và điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các mốc đơn mục [1], [2] “Về tố tụng” và các mốc đơn [1], [2] “Về nội dung”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết:

[1] Bà T4 phải chịu án phí tính tròn số tiền 6.097.619 đồng.

[2] Hoàn trả cho Ngân hàng V1 được nhận lại số tiền 2.564.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điểm b và điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1:

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T4 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 số tiền 121.952.378 (Một trăm hai mươi một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi tám) đồng.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T4 có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc số tiền 69.994.000 (Sáu mươi chín triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn) đồng và trả lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ lãi thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: HĐTD851XXXX1830 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 851XXXX1830/01 đã ký ngày 24 tháng 5 năm 2017 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1. Thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2022 cho đến khi bà T4 trả xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T4 phải nộp án phí số tiền 6.097.619 (Sáu triệu không trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm mười chín) đồng.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 được nhận lại số tiền 2.564.000 (Hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số N₀ 0010360 ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Nguyễn Minh T3 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1. Vắng mặt ông Phạm Doãn S là người đại diện theo pháp luật, ông Nguyễn Thanh P là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1; bà Nguyễn Thị Cẩm T4. Báo cho anh T3 có mặt biết có quyền đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông S, ông P, bà T4 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ĐD.NĐ + BĐ: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân